#### **1. Ma trận đề kiểm tra môn Công nghệ lớp 11- Định hướng nông nghiệp**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu chung về chăn nuôi** | 1.1. Chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. | 2 | 2 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4 | 10 |
| 1.2. Xu hướng phát triển của chăn nuôi. | 2 | 2 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4 | 10 |
| 1.3. Phân loại vật nuôi. | 3 | 3 | 2 | 2 |  |  |  |  | 5 | 0 | 5 | 12,5 |
| 1.4. Phương thức chăn nuôi. | 3 | 3 | 2 | 2 | 1 | 10 |  |  | 5 | 1 | 15 | 32.5 |
| **2** | **Công nghệ giống vật nuôi** | 2.1. Giống vật nuôi. | 2 | 2 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4 | 10 |
| 2.2. Chọn giống vật nuôi. | 4 | 4 | 2 | 2 |  |  | 1 | 7 | 6 | 1 | 13 | 25 |
| **Tổng** |  | **16** | **16** | **12** | **12** | **1** | **10** | **1** | **7** | **28** | **2** | **45** |  |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** |  | **70** | **30** |  |  |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận. - Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.

#### **2. Đặc tả đề kiểm tra môn Công nghệ lớp 11- Định hướng nông nghiệp**

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| 1 | 1. Giới thiệu chung về chăn nuôi | 1.1. Chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. | **Nhận biết:**- Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.- Trình bày được triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.- Nêu được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.- Phân tích được ý nghĩa của một số thành tựu nổi bật trong chăn nuôi (trong công tác giống, trong nuôi dưỡng và chăm sóc, trong xử lý chất thải và bảo vệ môi trường,….). - Nhận thức được sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.**Vận dụng:**- Đánh giá được triển vọng của chăn nuôi ở gia đình, địa phương. | 2 | 2 |  |  |
| 1.2. Xu hướng phát triển của chăn nuôi. | **Nhận biết:**- Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới.- Nêu được đặc điểm của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.**Thông hiểu:****-** Nêu được sự giống nhau và khác nhau của mô hình chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh. | 2 | 2 |  |  |
| 1.3. Phân loại vật nuôi | **Nhận biết:**- Kể tên được các loại vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.**Thông hiểu:**- Phân loại được vật nuôi theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng. | 3 | 2 |  |  |
| 1.4. Phương thức chăn nuôi. | **Nhận biết:**- Kể tên được một số một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.- Nêu được đặc điểm của một số phương thức chăn nuôi phổ biến.**Thông hiểu:**- Phân biệt được các hình thức chăn nuôi phổ biến.- Nêu được ưu nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến.- Nhận biết được những phương thức chăn nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương.**Vận dụng**- Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi ở gia đình và địa phương. | 3 | 2 | 1 |  |
| 2 | 2. Công nghệ giống vật nuôi | 2.1. Giống vật nuôi. | **Nhận biết:**- Trình bày được khái niệm giống vật nuôi.- Nêu được vai trò của giống trong chăn nuôi.**Thông hiểu:**- Giải thích được vai trò của giống đối với chăn nuôi (năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, khả năng chống chịu điều kiện bất lợi, …)- Nêu được vai trò của giống với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. | 2 | 2 |  |  |
| 2.2. Chọn giống vật nuôi. | **Nhận biết:**- Kể tên được các chỉ tiêu cơ bản trong chọn giống vật nuôi.- Kể tên được các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.- Nêu được đặc điểm cơ bản của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.- Trình bày được ưu và nhược điểm của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.**Thông hiểu:**- Phân tích được ưu và nhược điểm của các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.- So sánh được các phương pháp chọn giống vật nuôi phổ biến.- Lựa chọn được phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với mục đích của chọn giống.- Phân tích được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi.**Vận dụng**- Đề xuất được phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể.**Vận dụng cao**- Đề xuất được ứng dụng công nghệ sinh học chọn giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể. | 4 | 2 |  | 1 |
|  | **Tổng số câu** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0.25 điểm, cho mỗi câu tự luận được quy định rõ trong đáp án và hướng dẫn chấm.

**-** Mỗi nội dung chỉ nên ra 1 câu hỏi vận dụng hoặc vận dụng cao.

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

#### **3. Minh họa đề kiểm tra môn Công nghệ lớp 11- Định hướng nông nghiệp**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ….. | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**Môn: **Công nghệ**. Lớp: 11*Thời gian làm bài*: 45 phút, *Không tính thời gian phát đề* |
|  *Họ và tên học sinh:………………………… …………. Mã số học sinh:………………* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)**

**Câu 1:** Loại máy móc nào sau đây có thể thay thế trâu trong canh tác?

 A. Máy cày. B. Máy xúc.C. Máy tuốt lúa.D. Máy bơm.

**Câu 2:** Triển vọng của ngành chăn nuôi là

A. thu hút nhiều nhà đầu thư quốc tế.

B. hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bềnvững.

C. ngày càng có nhiều nhân lực, nhân công có trình độ.

D. mở rộng quy mô lớn, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

**Câu 3:** Tác dụng của các loại cảm biến trong chăn nuôi là

A. theo dõi các chỉ số của vật nuôi, môi trường.

B. theo dõi được thói quen sinh hoạt và chế độ ăn uống của vật nuôi.

C. phát hiện bệnh dịch và chữa các loại bệnh đơn giản.

D. điều chỉnh các yếu tố môi trường khi phát hiện có sự chênh lệch lớn.

**Câu 4**. Bác A thực hiện cài phần mềm quản lý trang trại trong chăn nuôi gà tại gia đình. Phần mềm quản lí đó giúp bác A có được lợi ích nào trong các phương án dưới đây?

1. Hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi và quản lý trang trại hiệu quả
2. Lưu giữ nét văn hóa chuyền thống
3. Chẩn đoán bệnh.
4. Hỗ trợ việc nuôi dưỡng.

**Câu 5:** Đâu là đặc điểm của mô hình chăn nuôi bền vững?

A. Chuồng nuôi thông minh.

B. Trang thiết bị hiện đại, tự động hóa.

C. Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân, bảo vệ môi trường, khai thác hợp lí và giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, đối xử nhân đạo với vật nuôi

 D. Kĩ thuật số trong quản lý vật nuôi

**Câu 6:** Có mấy xu hướng phát triển của chăn nuôi?

A. 5 B. 6 C. 8 D. 7

**Câu 7:** Nội dung của đặc điểm đối xử nhân đạo với vật nuôi là

A. hướng tới việc đảm bảo “ 5 không “ cho vật nuôi.

B. không giết mổ vật nuôi.

C. không bị đánh đập.

D. cho vật nuôi ăn uống theo chế độ dinh dưỡng đặc biệt.

**Câu 8:** Điểm giống nhau giữa mô hình chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh là

A. sử dụng công nghệ để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất.

B. Đề cao một cách tiếp cận bền vững và hạn chế sử dụng các hóa chất, thuốc trừ sâu **và** kháng sinh trong sản xuất chăn nuôi.

C. tập trung vào sử dụng công nghệ để tối ưu hoá hoạt động sản xuất và cải thiện hiệu quả.

D. sử dụng công nghệ để giám sát quá trình sản xuất và cải thiện quy trình vận hành.

**Câu 9:** Trong các loài vật đưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?

A. Vịt Bầu. B. Lợn Ỉ. C. bò BBB. D. Gà Đông Tảo.

**Câu 10:** Căn cứ nào sau đây là một trong các căn cứ để phân loại vật nuôi?

A. Kích thước. B. Nguồn gốc. C. Giới tính. D. Khối lượng.

**Câu 11:** Căn cứ vào nguồn gốc, vật nuôi được chia thành các loại

A. Vật nuôi dạ dày đơn, vật nuôi dạ dày kép.

B. Vật nuôi địa phương, vật nuôi ngoại nhập.

C. Vật nuôi đẻ trứng và vật nuôi đẻ con, vật nuôi trên cạn và vật nuôi dưới nước,…

D. Vật nuôi kiêm dụng, vật nuôi chuyên dụng

**Câu 12.** Cho các vật nuôi sau: Lợn Ỉ, lợn YorkShire, gà Đông Tảo, gà ISA Brown.

Phương án nào dưới đây thuộc vật nuôi địa phương?

A. Lợn Ỉ, lợn YorkShire

B. gà Đông Tảo, gà ISA Brown.

C. Lợn Ỉ, gà ISA Brown

D. Lợn Ỉ, gà Đông Tảo

**Câu 13.** Bác Hà đang muốn nuôi gà để lấy trứng. Bác Hà sẽ chọn loại gà nào trong các phương án dưới đây?

A. Gà ISA Brown

B. Gà Lương Phượng

C. Gà ri

D. Gà chọi

**Câu 14:** Có mấy phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 15:** Trong các ý sau, đâu ***không phải*** đặc điểm của chăn nuôi bán công nghiệp?

A. Sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp với thức ăn tự nhiên sẵn có.

B. Khó kiểm soát dịch bệnh.

C. Chất lượng sản phẩm chăn nuôi được cải thiện hơn so với chăn nuôi công nghiệp.

D. Thân thiện hơn với vật nuôi so với chăn nuôi công nghiệp.

**Câu 16:** Nhà Ông Năm là chủ một trang trại có 10000 con gà. Phương thức chăn nuôi của ông Năm đó là?

A. chăn nuôi công nghiệp.B. chăn thả tự do.

C. chăn nuôi bán công nghiệp. D. đáp án khác.

**Câu 17.** Phát biểu nào không đúng khi nói về ý nghĩa của việc ứng dụng trang thiết bị hiện đại và công nghệ cao trong xây dựng chuồng trại chăn nuôi?

A. Xây dựng được hệ thống chuồng nuôi hiện đại, dễ dàng theo dõi được tình hình chuồng trại, sức khoẻ của đàn vật nuôi,… qua thiết bị thông minh mà không phải đến trang trại trực tiếp hàng ngày.

B. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi được chính xác, khoa học hơn, mang lại hiệu quả cao.

C. Giảm sức lao động của con người, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.

D. Chế biến được thức ăn chăn nuôi giúp giảm phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 18:** Nhà Ông Kiên ở nông thôn, ông có một đàn gà 10 con, em hãy đề xuất một phương thức chăn nuôi để ông Kiên nuôi gà hiệu quả.

A. Chăn nuôi công nghiệp. B. Chăn nuôi bán công nghiệp.

C. Kết hợp chăn nuôi công nghiệp và chăn thả tự do. D. Chăn thả tự do.

**Câu 19:** Giống vật nuôi là

A. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người.

B. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên.

C. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.

D. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

**Câu 20:** Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi là

A. các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau.

B. được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.

C. có một số lượng cá thể không ổn định.

D. ngoại hình và năng suất giống nhau không phân biệt với giống khác.

**Câu 21:** “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao.

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 22:** Cho bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Giống vật nuôi | Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm |
| Gà Ri | Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm |
| Gà Leghorn | Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm |
| Gà Mía | Năng suất trứng đạt 70 - 100 quả/mái/năm |
| GÀ AI CẬP | Năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/mái/năm |

Nếu nuôi gà để lấy trứng em sẽ chọn  loại gà nào ?

A. Gà Ri. B. Gà Ai Cập. C. Gà Leghorn. D. Gà Mía.

**Câu 23:** Sinh trưởng là

A. sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

B. chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

C. đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống.

D. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật.

**Câu 24:** Chất lượng sản phẩm ***không được*** đánh giá theo các tiêu chí nào ?

A. màu sắc. B. số lượng.C. mùi vị. D. hàm lượng dinh dưỡng.

**Câu 25:** Có mấy bước để tiến hành phương pháp chọn lọc cá thể?

A. 2 B. 4 C. 5 D. 3

**Câu 26:** Nhược điểm của chọn lọc bằng bộ gen là

A. dễ dàng chọn được tính trạng mong muốn.

B. thời gian chọn lọc nhanh chóng.

C. độ chính xác cao.

D. chi phí cao.

**Câu 27:** Cho các ý sau:

1. Chọn lọc tổ tiên nhìn vào phả hệ để xem tổ tiên có tốt hay không.
2. Chọn lọc bản thân , chủng sẽ được nuôi trong điều kiên tiêu chuẩn về nuôi dưỡng và chăm sóc.
3. Kiểm tra đời con nhằm xác định khả năng di truyền những tính trạng tốt của bản thân con vật cho đời sau.

Hãy sắp xếp các ý trên theo thứ tự tiến hành phương pháp chọn lọc cá thể

A. 3; 2; 1 B. 1; 2; 3 C. 2; 3; 1 D. 2; 1; 3

**Câu 28**: Một số chỉ tiêu thể chất để đánh giá chọn giống vật nuôi

A. Kích thước cơ thể, tốc độ lớn, sức khoẻ

B. Kích thước cơ thể, khả năng sinh trưởng, khả năng sinh sản.

C. Tốc độ lớn, sản lượng trứng, số con đẻ ra.

D. Tốc độ lớn, sức khoẻ, khả năng sinh sản

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm):**

**Câu 1(2 điểm):** Nếu muốn nuôi gà với mục đích nâng cao chất lượng thịt (thơm, ngon), em hãy đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp?

**Câu 2(1 điểm):** Nhà bác Sáu có một trang trại thích hợp với chăn nuôi vịt. Em hãy giúp bác Sáu lựa chọn giống vịt để nuôi?

-----------------Hết-----------------

**ĐÁP ÁN**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **ĐA** | A | B | C | A | C | C | A | B | C | B | B | D | A | C |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| **ĐA** | B | A | D | D | C | B | A | C | A | B | D | D | B | A |

\* Điểm các câu trắc nghiệm làm đúng được tính mỗi câu 0,25 điểm.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1****(2 đ)** | Phương thức chăn nuôi phù hợp có thể là: Chăn thả tự do, vì: 1. Gà được được vận động nhiều, thịt sẽ chắc. 2. Gà được tự kiếm ăn bằng nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có nên thịt gà sẽ thơm ngon. 3. Gà được tự do biểu hiện những tập tính, thoải mái về mặt phúc lợi nên sẽ cho chất lượng thịt thơm ngon.  | 0.5đ0.5đ0.5đ0.5đ |
| **Câu 2****(1 đ)** | Bác có thể chọn giống vịt Cỏ để nuôi. Vì có ưu điểm: Vịt có tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi. Vịt có cho năng suất trứng khá cao, thịt thơm ngon. | 0,5đ0,5đ |

-----------------Hết-----------------